

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH LUẬT KHOÁ 20 LỚP A
(Niên khoá 2014 - 2018)

Số TT	Họ và tên thí sinh, ngày sinh, giới tính, nơi làm việc	Bảng tốt nghiệp đại học			Bảng Thạc sĩ		Năm bắt đầu vào nghề	Kết quả đánh giá						Mã số và tên chuyên ngành đào tạo NCS Số năm đào tạo
		Ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Năm tốt nghiệp Loại tốt nghiệp	Chuyên ngành	Điểm trung bình chung học tập toàn khoá		Bài luận về dự định nghiên cứu (1)	Thư giới thiệu	Ngoại ngữ	Công trình NCKH đã công bố (2)	Các điểm khác (3)	Tổng (1) + (2) + (3)	
1	Lại Thị Phương Thảo 27/01/1987, Nữ Trường ĐH Luật HN	Luật	Chính quy	2009 Khá	Lý luận và LSNN&PL	3.0 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)	2009	50.0	Được chấp nhận	Cấp độ B2 Khung Châu Âu chung	6.0	19.0	75.0	Lý luận & LSNN&PL MS 62380101 (04 năm)
2	Chu Thế Huyền 24/08/1976, Nam Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An	Tư pháp và hành chính nhà nước	Chính quy	1999 Khá	Lý luận và LSNN&PL	8.92	2001	49.2	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	4.0	20.0	73.2	Lý luận & LSNN&PL MS 62380101 (04 năm)
3	Nguyễn Thị Tiến	Tư pháp và hành	Chính quy	1999	Lý luận và LSNN&PL	7.31	2000	42.8	Được chấp	Cấp độ B1 Khung	0	13.0	55.8	Lý luận & LSNN&PL

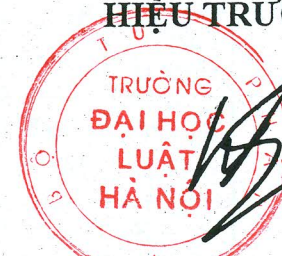


	20/03/1977, Nữ Trường ĐH Lâm nghiệp	chính nhà nước		Trung bình khá					nhận	Châu Âu chung				MS 62380101 (04 năm)
4	Lê Thị Hương Giang 20/04/1978, Nữ Học viện Tư pháp	PL Kinh tế và Luật Quốc tế	Chính quy	2000 Khá	Luật Kinh tế	6.88	2006	43.2	Được chấp nhận	TOEIC 475	25.0	13.0	81.2	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự MS 62380103 (04 năm)
5	Nguyễn Thị Thuý Hằng 05/01/1983, Nữ Khoa Luật, ĐH Huế	Luật học	Chính quy	2008 Khá	Luật Dân sự	3.15 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)	2008	39.2	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	15.0	17.0	71.2	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự MS 62380103 (04 năm)
6	Nguyễn Văn Tiến 08/02/1981, Nam Trường ĐH Kiểm sát HN	Luật	Chính quy	2008 Khá	Luật Dân sự	7.06	2012	33.2	Được chấp nhận	TOEIC 475	5.0	17.0	55.2	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự MS 62380103 (04 năm)
7	Trần Thị Phương Hiền 28/08/1968, Nữ Toà án nhân dân TP Hà Nội	Luật tư pháp	Chính quy dài hạn	1990 Khá	Luật Hình sự	7.49	1991	34.0	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	0	17.0	51.0	Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự MS 62380104 (04 năm)
8	Nguyễn Thị Hương 08/10/1979, Nữ	PL Kinh tế và Luật	Chính quy	2001 Khá	Tội phạm học và điều tra tội phạm	7.15	2004	34.0	Được chấp nhận	Bằng ĐH ngoại ngữ (tiếng Anh)	7.5	13.0	54.5	Tội phạm học và phòng ngừa TP

	Viện KSND tối cao	Quốc tế											MS 62380105 (04 năm)
9	Vũ Ngọc Dương 28/12/1984, Nam Trường ĐH Luật HN	Luật	Chính quy	2006 Khá	Luật Quốc tế	2.04 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)	2007	45.6	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	14.0	13.0	72.6 Luật Quốc tế MS 62380108 (04 năm)
10	Nguyễn Thị Thanh Tú 22/10/1985, Nữ Trường ĐH Luật HN	Luật	Chính quy	2007 Khá	Luật Kinh tế	7.61	2009	43.0	Được chấp nhận	IELTS 5.5	12.5	19.0	74.5 Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
11	Lê Văn Đức 04/05/1980, Nam Trường ĐH Vinh	Luật Kinh doanh	Chính quy	2007 Khá	Luật Kinh tế	8.43	2008	42.6	Được chấp nhận	Bằng ĐHNN (tiếng Anh)	6.0	22.0	70.6 Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
12	Phí Mạnh Cường 25/03/1978, Nam ĐH Mỏ - Địa chất	PL kinh tế và Luật Quốc tế	Chính quy	2001 Khá	Luật Kinh tế	6.82	2004	39.0	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	18.0	13.0	70.0 Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
13	Đoàn Thị Hải Yến 17/01/1981, Nữ Học viện Tài chính	PL kinh tế và Luật Quốc tế	Chính quy	2002 Khá	Luật Kinh tế	6.77	2004	42.0	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	12.0	13.0	67.0 Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)

14	Đỗ Phương Thảo 25/08/1985, Nữ ĐH Thương mại	Luật	Chính quy	2007 Khá	Luật Kinh tế	7.19	2007	41.4	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	4.0	17.0	62.4	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
15	Đặng Thị Minh Ngọc 02/06/1982, Nữ Trường ĐH Ngoại thương HN	Luật	Vừa làm vừa học (VB2)	2011 Khá	Luật Kinh tế	8.07	2006	35.2	Được chấp nhận	TOEIC 570	6.5	20.0	61.7	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
16	Park Jae Myung 05/02/1979, Nam TSTD	Luật		2006 3.42 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)	Luật tư	4.43 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)				Chứng chỉ tiếng Việt trình độ B	Được đề nghị công nhận trúng tuyển theo Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam			Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm, không tính thời gian học dự bị tiếng Việt)

HIỆU TRƯỞNG



Phan Chí Hiếu